

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kế hoạch thu chi các khoản học phí và các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch kế hoạch thu chi các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2025– 2026

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kế hoạch thu chi các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tình quản lý năm học 2025 – 2026 (có kế hoạch đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng và bộ phận tài chính, các tổ chức liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu : VT, ...



KẾ HOẠCH

Thu, chi học phí các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025-2026

Căn cứ công văn số 927/SGDDT-TC ngày 25/9/2025 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026; công văn số 286/UBND-VHXXH ngày 26/9/2025 của UBND xã Giao Phúc về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 1628/SGDDT- KHTC ngày 05/9/2024 của Sở GD&ĐT Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ vào Nghị quyết số 238/2025/NĐ- CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí miễn, giảm hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào hướng dẫn số 1628/HD- SGDDT ngày 05/9/2024 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều lệ ban đại diện CMHS

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Giao Xuân;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, trường Mầm non Giao Xuân xây dựng kế hoạch thu - chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

A. Thu - chi học phí.

*** Thu học phí :** Được miễn theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

B. DỰ TOÁN THU – CHI CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

I. Tiền nước uống:

1. Thu:

Dự kiến số học sinh trung bình trong 9 tháng năm học 2025-2026: 330hs.
Mức thu: 10.000đ/hs/tháng

Dự trừ thu: $330\text{hs} \times 10.000\text{đ/hs/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 29.700.000\text{đ}$.

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

2. Chi: Dự trừ chi như sau:

+ Chi tiền mua nước sạch, nước đóng bình tinh khiết, thuê người nấu nước uống..... : 26.000.000 đ

+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống lọc nước uống trực tiếp cho học sinh, chi mua bổ sung ca cốc,...: 3.700.000đ.

Tổng cộng chi: 29.700.000đ

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

II. Tiền vệ sinh lớp học- nhà vệ sinh:

1. Thu:

Dự kiến số học sinh trung bình trong 9 tháng năm học 2025-2026: 330hs.
Mức thu: 18.000đ/hs/tháng

Dự trừ thu: $330 \times 18.000\text{đ/hs/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 53.460.000\text{đ}$

(Bằng chữ: Năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.)

2. Chi: Dự trừ chi

2.1. Chi trả công thuê người làm vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh học sinh :

Số tiền chi 9 tháng $\times 2.000.000 \text{ đồng} = 18.0000.000\text{đ}$

2.2. Chi tiền mua hóa chất tẩy rửa, đồ dùng vệ sinh cho trẻ:

* Dự kiến chi theo lớp/ tháng:

+ Nước lau sàn nhà: 1chai/ lớp /tháng $\times 14 \text{ lớp} \times 35.000\text{đ/chai} \times 1 \text{ tháng} = 490.000\text{đ}$

+ Nước tẩy rửa bồn cầu: 2chai/ lớp /tháng $\times 14 \text{ lớp} \times 38.000\text{đ/chai} \times 1 \text{ tháng} = 1.064.000\text{đ}$

+ Giấy vệ sinh: 1 bịch/lớp/tháng $\times 14 \text{ lớp} \times 35.000\text{đ/bịch} \times 1 \text{ tháng} = 490.000\text{đ}$

+ Chai nước rửa tay lifebuoy: 1 chai/lớp/tháng $\times 14 \text{ lớp} \times 78.000\text{đ/chai} \times 1 \text{ tháng} = 1.092.000\text{đ}$

+ Bột giặt omo: 1 gói/ lớp/ tháng $\times 14 \text{ lớp} \times 25.000\text{đ/ gói} \times 1 \text{ tháng} = 350.000\text{đ}$

+ Nước lau kính: 1 chai/ lớp/ tháng x 14 lớp x 28.000đ/ chai x 1 tháng = 392.000đ

+ Túi bóng đựng rác: 1kg/ lớp/ tháng x 14 lớp x 35.000đ/ kg x 1 tháng = 490.000đ

Cộng 1 tháng: 3.940.000 đồng

Số tiền chi 9 tháng : 9 tháng x 3.940.000đ/tháng = 35.460.000 đồng

Tổng cộng chi: 18.000.000 đồng + 35.460.000 đồng = 53.460.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

III. Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú

1. Thu:

+ Dự kiến số trẻ ăn bán trú: 330hs/tháng.

+ Mức thu là 80.000đ /hs/tháng

+ Dự trừ thu là: 330hs x 80.000đ/hs/tháng x 9 tháng = 237.600.000đ

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.)

2. Chi:

Dự trừ người nấu ăn bán trú: 5 người (Theo TT số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ) cứ 35 trẻ nhà trẻ hoặc 50 trẻ mẫu giáo thì được ký 01 cô nấu ăn.

Chi trả công thuê người nấu ăn, phục vụ nuôi ăn bán trú và các khoản đóng góp bảo hiểm theo quy định của pháp luật (áp dụng mức tiền lương tối thiểu vùng: 3.860.000đ + 3.860.000đ x 7% + 3.860.000 x 21.5% BH = 4.960.100/người/tháng). Nhà trường dự kiến trả với số tiền: 4.000.000đ/người/tháng đến 6.000.000đ/người/tháng với số công làm là 5 ngày/ tuần

* **Dự kiến chi với số hs: 330 hs/tháng x 80.000đ/hs/tháng = 26.400.000đ**

* **Dự kiến chi 1 tháng:**

+ Chi cho người nấu ăn trực tiếp: 5.280.000đ/người x 5 người = 26.400.000đ;

Cộng 1 tháng: 26.400.000 đồng

Số tiền chi 9 tháng : 9 tháng x 26.400.000đ/tháng = 237.600.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.)

IV. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa:

1. Thu:

+ Tổng số cán bộ, giáo viên nhà trường thời điểm 9/2025 là: 30 CBGV

+ Dự kiến số học sinh trung bình trong 9 tháng năm học 2025-2026: 330 hs

+ Mức thu: 6.000đ/hs/ ngày

+ Dự kiến số tiền thu được trong 01 tháng: 330 hs x 6.000đ/ngày x 22 ngày/ tháng = 43.560.000đ/tháng.

+ **Số tiền thu 9 tháng : 43.560.000đ x 9 tháng = 392.040.000đ**

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

2. Chi:

+ Dự kiến số tiền chi: 43.560.000đ/tháng /30 CBGV = 1.452.000đ/người/tháng.
+ Số tiền chi 9 tháng: 1.452.000/người/tháng x 30 người x 9 tháng = 392.040.000đ

V. TIỀN BÁN TRÚ

1. Thu:

Dự kiến số trẻ bán trú tại trường năm học 2025-2026: 330hs

Mức thu: 20.000đ/hs/ngày

* Trong đó:

+ Tiền ăn: 19.000đ/hs/ngày

+ Tiền chất đốt: 1.000đ/hs/ngày

1.1. Dự trừ thu tiền ăn:

Dự trừ thu: 330 hs x 19.000 đ/hs/ngày x 22/ngày/tháng x 9 tháng = **1.241.460.000 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.)

1.2. Dự trừ thu tiền chất đốt:

Dự trừ thu: 330 hs x 1.000đ/hs/ngày x 22/ngày/tháng x 9 tháng = **65.340.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

2. Dự trừ chi như sau

2.1. Chi tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn: 19.000đ/hs/ngày

330 hs x 19.000 đ/hs/ngày x 22/ngày/tháng x 9 tháng = **1.241.460.000 đồng**

((Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.)

2.2. Chi trả tiền chất đốt: 1.000đ/hs/ngày

330 hs x 1.000đ/hs/ngày x 22/ngày/tháng x 9 tháng = **65.340.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

Trong đó:

- Mua gas đốt: 16 bình/tháng x 420.000đ/bình x 9 tháng = 60.480.000đ

- Sửa chữa bếp gas, thay van gas,.....: 4.860.000đ

VI. Vận động tài trợ

- Năm học 2025 - 2026 nhà trường không thực hiện xã hội hoá giáo dục.

C. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ:

Bộ phận tài chính thực hiện nghiêm túc các quy trình, thủ tục và mở đủ, đúng hệ thống sổ sách thu chi tài chính theo đúng quy định của nhà nước. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Mọi thắc mắc xin được phản ánh trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi về Ban giám hiệu. Nhà trường có trách nhiệm giải đáp kịp thời, đúng quy định.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hoá xã (để trình);
- UBND xã Giao Phúc(để báo cáo);
- Nhà trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Hương